

TƯ TƯỞNG CỦA IMMANUEL KANT VỀ BIỆN CHỨNG CỦA QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC

ĐẶNG THỊ ÁNH NGUYỆT

TÓM TẮT

Trong tư tưởng triết học của Immanuel Kant, nhận thức luận là một trong những nội dung được ông dành nhiều tâm huyết. Điều đó thể hiện trong tác phẩm "Phê phán lý tính thuần túy". Tác phẩm là sự nghiên cứu của Kant về khả năng nhận thức của con người, trong đó nổi bật lên tư tưởng biện chứng về quá trình nhận thức. Đây cũng chính là điểm mà triết học Mác-Lênin kế thừa để xây dựng nên triết học duy vật biện chứng. Bài viết phân tích và làm sáng tỏ biện chứng của quá trình nhận thức trong tư tưởng của Immanuel Kant.

1. DẪN NHẬP

F. Engels từng nói "một dân tộc muốn đứng trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận", nhưng muốn phát triển và hoàn thiện tư duy lý luận "thì cho tới nay không còn một cách nào khác hơn là nghiên cứu toàn bộ triết học thời trước". Bởi lẽ, triết học chính là sản phẩm tinh túy nhất của mỗi dân tộc, nó phản ánh sâu sắc nhất, đầy đủ nhất thực tiễn xã hội sinh động của mỗi thời đại.

Triết học cổ điển Đức là một mốc son trong dòng chảy tư tưởng triết học của

nhân loại mà Immanuel Kant là người sáng lập. Ông là nhà văn hóa lớn của phương Tây thế kỷ XVIII-XIX. Triết học Kant bao gồm triết học lý luận (lý tính lý thuyết hay theo như cách gọi của Kant là lý tính tư biện) và triết học thực tiễn. Lý luận nhận thức chiếm vai trò quan trọng trong hệ thống triết học của ông, trong đó nổi bật lên tư tưởng biện chứng về quá trình nhận thức. Theo Kant, nhận thức là một quá trình biện chứng, điều đó thể hiện ở mối quan hệ giữa trực quan cảm tính và tư duy giác tính và những nghịch lý của nhận thức lý tính.

2. TƯ TƯỞNG CỦA IMMANUEL KANT VỀ BIỆN CHỨNG CỦA QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC

2.1. Mối quan hệ giữa trực quan cảm tính và tư duy giác tính

Trong lịch sử triết học khi giải quyết những vấn đề thường có hai khuynh hướng cực đoan là chủ nghĩa duy cảm và chủ nghĩa duy lý. Những người theo chủ nghĩa duy cảm cường điệu vai trò của nhận thức cảm tính, cảm giác, hạ thấp vai trò của nhận thức lý tính, của tư duy. Trái lại, những người theo chủ nghĩa duy lý khuếch đại vai trò của nhận thức lý tính, hạ thấp vai trò của nhận thức cảm tính, coi cảm tính là không đáng tin cậy. Tuy có những yếu tố

Theo Kant, quá trình nhận thức con người trải qua ba giai đoạn, đi từ trực quan cảm tính đến tư duy giác tính và đi đến nhận thức lý tính. Những hình ảnh do trực quan cảm tính mang lại còn lộn xộn và chưa có tính hệ thống nên phải nhờ đến hệ thống các phạm trù trong tư duy giác tính. Cũng không thể xem nhẹ giai đoạn trực quan cảm tính vì các phạm trù là những khái niệm chỉ dùng để điều chỉnh và sắp xếp kinh nghiệm. Nếu chỉ lấy bản thân chúng để nói, bên ngoài mọi nội dung được chứa đựng trong đó được làm bằng một chất liệu do chúng ta cảm nhận (mà nếu không có những khái niệm ấy thì không thể cảm nhận được), thì những khái niệm ấy sẽ trống rỗng, điều đó Kant thể hiện ở luận điểm nền tảng “những tư tưởng không có nội dung thì trống rỗng, những trực quan không có khái niệm là mù quáng” (I. Kant, 2004, tr. 200).

Nhận ra sự thống nhất biện chứng giữa trực quan sinh động và tư duy giác tính là quan điểm tiến bộ của Kant. Với Kant: “Trực quan và những khái niệm tạo nên các yếu tố của mọi nhận thức chúng ta, khiến cho những khái niệm mà không có trực quan tương ứng bằng một cách nào đó cũng như trực quan mà không có khái niệm đều không thể mang lại nhận thức nào cả”, hay “chúng ta không thể suy tưởng về đối tượng mà không nhờ các phạm trù; chúng ta cũng không thể nhận thức các đối tượng được suy tưởng mà không nhờ các trực quan tương ứng với các khái niệm ấy” (I. Kant, 2004, tr. 200).

Nghĩa là, trong quan điểm của Kant, nhận thức cảm tính và nhận thức giác tính có mối quan hệ biện chứng sâu sắc, giữa hai giai đoạn nhận thức có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Kant đã nhận thấy được sự khác biệt và thống nhất giữa hai giai đoạn, sự chuyển hóa từ trực quan cảm tính lên tư duy trừu tượng như bước nhảy vọt trong từng giai đoạn của quá trình nhận thức. Theo nhận xét của Hegel, “Đây là một thành tựu rất quan trọng của nhận thức triết học, bởi vì bằng điều đó... vận động của tư duy được đề cao” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1997, tr. 321).

Kant đã nhấn mạnh tính năng động, sáng tạo của chủ thể nhận thức. Ông cũng đã mạnh dạn đặt ra cho triết học của mình nhiệm vụ phê phán chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa duy nghiệm với mục đích mở ra một hướng giải quyết mới cho nhận thức luận với phương châm “tư tưởng thiếu nội dung thì trống rỗng, trực quan thiếu khái niệm thì mù quáng”. Bằng lối lập luận đó, Kant đã đưa ra một bảng phạm trù tương đối đầy đủ và hệ thống, sắp xếp chúng theo tiên đề-phản đề-hợp đề; đồng thời khẳng định tính phổ quát và tất yếu của chúng. Những đóng góp này của ông đã đặt tiền đề cho sự phát triển của triết học cổ điển Đức sau này (Lê Công Sự, 1997, tr. 83-93).

2.2. Tư tưởng về các nghịch lý của nhận thức lý tính

Chúng ta sẽ không thể hiểu được hệ thống triết học của Kant nếu không có sự hiểu biết về học thuyết của Kant về nghịch lý của lý tính thuần túy, là tiền đề trực tiếp cho khoa học logic của Hegel và cũng là tiền đề lý luận cho phép biện chứng mác xít.

Học thuyết về nghịch lý của lý tính thuần túy được Kant trình bày trong phần "*Phép biện chứng tiên nghiệm*" của tác phẩm *Phê phán lý tính thuần túy*. Sở dĩ Kant đưa ra bốn nghịch lý vì theo ông, bốn nghịch lý của lý tính thuần túy tương ứng với bốn lớp phạm trù của lý tính thuần túy: "Tất cả các ảo giác tiên nghiệm... của lý tính thuần túy đều được xây dựng trên các kết luận biện chứng mà logic học đưa ra sơ đồ của chúng trong ba dạng hình thức của suy luận nói chung, giống như các phạm trù có sơ đồ logic của mình trong bốn chức năng của tất cả các phán đoán" (Vũ Văn Viên, 1997, tr. 49-66, 50). Sau khi nghiên cứu giai đoạn thứ hai của quá trình nhận thức, tầm nhận thức của cấp độ giác tính phân tích (khoa học tự nhiên lý thuyết) bị chế ước bởi hàng loạt các điều kiện (có điều kiện), thì con người vẫn luôn luôn khát khao vươn tới những tri thức tuyệt đối, tới tự do vô điều kiện, tức ở khả năng trí tuệ cao nhất này, nhận thức của con người không chịu đóng khung trong khuôn khổ thế giới hiện tượng mà còn vươn tới cả thế giới "vật tự nó". Con người có khát vọng xâm nhập vào thế giới vật tự nó trong khi nhận thức con người là có giới hạn, con người chỉ nhận thức được thế giới hiện tượng. Khi lý tính cố gắng vươn tới nhận thức "vật tự nó" thì gặp các nghịch lý.

Nghịch lý thứ nhất

Chính đề: "Thế giới có một khởi đầu trong không gian và cũng bị bao bọc bởi các ranh giới, về không gian" (I. Kant, 2004, tr. 760).

Phản đề: "Thế giới không có một khởi đầu và không có ranh giới trong không gian nhưng là vô tận về thời gian lẫn không gian" (I. Kant, 2004, tr. 762).

Nghịch lý thứ hai

Chính đề: "Một bản thể đa hợp trong thế giới bao gồm những đơn tố và không có gì tồn tại mà bản thân không phải là đơn tố hay là tổ hợp từ những đơn tố" (I. Kant, 2004, tr. 769).

Phản đề: "Không một đa hợp nào trong thế giới được cấu tạo từ những đơn tố và không tồn tại bất kỳ đơn tố nào trong thế giới" (I. Kant, 2004, tr. 771).

Nghịch lý thứ ba

Chính đề: "Tính nhân quả theo những định luật của tự nhiên không phải là cái duy nhất để từ đó những hiện tượng trong thế giới nhìn chung có thể được giải thích. Tất yếu phải giả định thêm một tính nhân quả từ tự do để giải thích hiện tượng này" (I. Kant, 2004, tr. 778).

Phản đề: "Không có tự do, trái lại tất cả những gì xảy ra trong thế giới đều chỉ tuân theo những định luật của tự nhiên" (I. Kant, 2004, tr. 780).

Nghịch lý thứ tư

Chính đề: "có một hữu thể tuyệt đối tất yếu thuộc về thế giới, hoặc là một bộ phận của nó, hoặc là một nguyên nhân cho nó" (I. Kant, 2004, tr. 786).

Phản đề: "Không có một hữu thể nào tuyệt đối tất yếu dù ở trong hay ở ngoài thế giới như là nguyên nhân của nó" (I. Kant, 2004, tr. 788).

Những luận điểm chủ yếu trong các chính đề chủ yếu thể hiện lập trường của các nhà duy lý. Những luận điểm trong các phản đề thể hiện lập trường của các nhà duy nghiệm về vũ trụ. Kant viết: Trong cách khẳng định của phía phản đề, có một sự đồng dạng hoàn toàn về lẽ lỗi tư duy và

trong việc giải thích những hiện tượng của thế giới mà cả trong việc giải quyết các ý niệm siêu nghiệm về bản thân vũ trụ. Ngược lại, các khẳng định của phía chính đề, ngoài phong cách giải thích thường nghiệm bên trong chuỗi những hiện tượng còn đặt cơ sở trên các mệnh đề trí tuệ, nên trong chừng mực đó, châm ngôn của nó không đơn giản. Nhưng xuất phát từ đặc điểm cơ bản của nó, tôi muốn gọi phía chính đề là thuyết giáo điều của lý tính thuần túy (I. Kant, 2004, tr. 798). Đó cũng là các nghịch lý mà toàn bộ triết học xưa nay mắc phải. Kant cho rằng: "nếu chúng ta ủng hộ bất cứ quan điểm bên này hay bên kia thì sẽ luôn trong tình trạng "chao đảo liên tục". Do đó, một giải đáp giáo điều "không những không xác tín mà còn là bất khả" (I. Kant, 2004, tr. 815).

Học thuyết về nghịch lý của lý tính thuần túy của Kant còn nhiều hạn chế khi nhìn nhận từ góc độ triết học duy vật biện chứng. *Thứ nhất*, về phương diện đặt vấn đề ông đã hạn chế số lượng Antinomie, trong khi đó Hegel nhận xét "Antinomie có trong tất cả các sự vật ở mọi hình thức trong ý niệm và khái niệm" (Lê Công Sự, 2006, tr. 798). Kant chỉ nhận thấy mâu thuẫn trong lý tính con người mà không thấy mâu thuẫn còn có trong hiện thực khách quan, trong khi đó triết học Mác-Lênin cho rằng mâu thuẫn tồn tại trong tất cả các sự vật hiện tượng, từ tự nhiên, xã hội đến tư duy. Thêm vào đó, những nghịch lý mà ông nêu ra là chưa phải là mâu thuẫn biện chứng vì giữa chính đề và phản đề chưa có sự chuyển hóa lẫn nhau.

Thứ hai, về phương diện giải quyết vấn đề, ông đã phân tích từng mặt đối lập rồi đi đến kết luận đúng-sai. Trong khi đó, việc giải quyết các nghịch lý là một điều rất phức tạp, đòi hỏi nguồn tư liệu từ cuộc sống phong phú, sinh động.

Đóng góp của Kant là ở chỗ, theo Kant, các nghịch lý này không phải là những lỗi thông thường có thể khắc phục được. Việc vạch ra những mâu thuẫn của nhận thức lý tính đã phá vỡ luận điểm siêu hình về tính tuyệt đối của nhận thức lý tính và chứng minh được những mâu thuẫn là bản chất khách quan của lý trí con người.

Lịch sử nhận thức của nhân loại đã chứng minh rằng không thể loại trừ các Antinomie nói chung ra khỏi nhận thức. Nhưng đối với mỗi Antinomie cá biệt thì có thể loại trừ được bằng cách vượt bỏ hình thức nhận thức cũ, xây dựng một hình thức nhận thức mới. Đánh giá mặt tích cực của học thuyết về các Antinomie của Kant, Hegel viết: "Việc tìm ra các Antinomie cần phải được xem như một thành tựu vô cùng quan trọng của nhận thức triết học, bởi vì bằng điều đó chủ nghĩa giáo điều xơ cứng của siêu hình học giác tính đã bị loại trừ, và vận động biện chứng của tư duy được chú trọng" (Lê Công Sự, 2006, tr. 80). Điều này cũng đã được Lênin đề cập khi nói đến mối quan hệ giữa chân lý tuyệt đối và tương đối, nhận thức là quá trình con người tiếp cận với hiện thực chứ không thể trùng khít với hiện thực. Hiện thực luôn luôn biến đổi nên nhận thức con người cũng luôn biến đổi theo cho phù hợp. Đó là một quá trình vô tận.

Bên cạnh đó, Kant cho rằng con người không thể nào nhận thức được "vật tự nó"

lý tính thuần túy. Tư tưởng này đã được Hegel tiếp thu một cách hợp lý trong "Khoa học logic" của ông và sau này được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin nâng lên.

Những giá trị của nhận thức luận Kant, đặc biệt là tư tưởng biện chứng về quá trình nhận thức đã có nhiều đóng góp có giá trị cho lịch sử nhận thức nhân loại nói chung và phép biện chứng duy vật nói riêng.

Đánh giá những giá trị to lớn và sự ảnh hưởng mạnh mẽ của triết học Kant cũng như nhận thức luận của ông, J. Hirschberger cho rằng: "Kant được xem là triết gia Đức lớn nhất, hơn nữa là triết gia lớn nhất của thời cận đại, là triết gia của nền văn hóa tân thời và của nhiều lĩnh vực khác nữa. Dù người ta có đánh giá Kant gì đi nữa, điều không thể chối cãi là ít nhất đẩy lùi tất cả những gì đi trước vào bóng tối và tỏa sáng lên những gì đi sau (Immanuel Kant, 2004, tr. 798). □

Tóm lại, dù còn nhiều tranh luận xung quanh những nghịch lý của lý tính mà Kant đưa ra, như I. Narxki đã viết về Kant "Ông đã chỉ ra những đặc điểm riêng biệt của mâu thuẫn biện chứng trong nhận thức, những nghịch lý sâu sắc trong những vấn đề triết học, tính mâu thuẫn của lý tính và của toàn bộ nhận thức như một quá trình". Còn đối với Hegel, thì có thể các Antinomie của Kant "là một bước chuyển cơ bản đến triết học mới nhất" (Vũ Văn Viên, 1997, tr. 49-66).

3. KẾT LUẬN

Một trong những điểm nổi bật của nhận thức luận Kant là biện chứng về quá trình nhận thức, thể hiện qua những luận điểm của ông về mối quan hệ giữa trực quan cảm tính và tư duy giác tính, nghịch lý của

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 1997. *Triết học*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Kant, Immanuel. 2004. *Phê phán lý tính thuần túy* (Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải). Hà Nội: Nxb. Văn học.
3. Lê Công Sự. 1997. *Về học thuyết phạm trù trong triết học I. Kant*. Trong: *I. Cantor - Người sáng lập nền triết học cổ điển Đức*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
4. Lê Công Sự. 2006. *Triết học cổ điển Đức*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
5. Vũ Văn Viên. 1997. *Học thuyết về "Antinomia" và "Logic tiên nghiệm" của Cantor*. Trong: *I. Cantor - Người sáng lập nền triết học cổ điển Đức*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.